

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức:** Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành
 - Mã chứng khoán: TEG
 - Địa chỉ: Tầng 4 Tòa nhà Sun GrandCity Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - Điện thoại liên hệ: 0242 242 5995 Fax: 04.38.398.974
 - E-mail: info@tegroup.com.vn
- Nội dung thông tin công bố:**
 - Báo cáo tài chính riêng Quý II năm 2024;
 - Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý II năm 2024;
 - Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng Quý II năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023;
 - Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trên BCTC Hợp nhất Quý II năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/07/2024 tại đường dẫn: <https://tegroup.com.vn>.

Tài liệu đính kèm

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT

Đại diện tổ chức

Người được ủy quyền công bố thông tin



Trần Thị Thanh Huyền

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	4 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Cho quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	8-9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Cho quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10-11
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Cho quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12-25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Năng lượng và bất động sản Trường Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Năng lượng và bất động sản Trường Thành (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Bất động sản và xây dựng Trường Thành) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105167260, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chấp nhận thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 24 lần. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 24 ngày 19 tháng 04 năm 2024 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Điện thoại : 024 35599599

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là: Cung cấp dịch vụ xây lắp và dịch vụ tư vấn, giám sát.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Trung Kiên	Chủ tịch	18 tháng 05 năm 2020
Ông Trần Tuấn Phong	Phó Chủ tịch	01 tháng 04 năm 2024
Ông Hoàng Mạnh Huy	Thành viên	18 tháng 05 năm 2020
Ông Akahane Seiji	Thành viên	18 tháng 05 năm 2020
Ông Lê Đình Ngọc	Thành viên	18 tháng 05 năm 2020
Ông Hoàng Đình Lợi	Thành viên	18 tháng 05 năm 2020
Bà Đào Thị Thanh Hiền	Thành viên	24 tháng 12 năm 2021
Ông Mạc Quang Huy	Thành viên	24 tháng 12 năm 2021
Ông Kudun Sukhumananda	Thành viên	24 tháng 12 năm 2021
Ông Hà Ngọc Minh	Thành viên	31 tháng 03 năm 2022
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	31 tháng 03 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đào Xuân Đức	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 05 năm 2020
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2022
Ông Phạm Duy Hoàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Hoàng Mạnh Huy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2020
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Huy Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2024
Ông Đặng Trần Quyết	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2024
Ông Nguyễn Hồng Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2024

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Trung Kiên – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 18 tháng 05 năm 2020).

Ông Đặng Trung Kiên đã ủy quyền cho Ông Hoàng Mạnh Huy – Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy ủy quyền số 57/2024/UQ-TEG ngày 19 tháng 04 năm 2024.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Hoàng Mạnh Huy

Ngày 30 tháng 07 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		244.431.557.938	91.666.240.221
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.884.421.041	22.041.792.542
1. Tiền	111		11.884.421.041	22.041.792.542
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		57.666.915.800	403.200.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	57.666.915.800	403.200.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		174.781.413.564	68.967.685.242
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	45.493.027.652	18.689.610.172
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	44.847.659.878	3.898.235.563
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		55.000.000.000	21.688.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	29.440.726.034	24.691.839.507
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		98.807.533	253.562.437
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	98.807.533	253.562.437
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.028.002.660.168	743.634.931.546
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.400.000	1.350.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.400.000	1.350.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.071.910.540	7.666.624.408
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	7.071.910.540	7.666.624.408
<i>Nguyên giá</i>	222		10.503.912.096	10.630.275.732
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3.432.001.556)	(2.963.651.324)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.644.184.620	3.644.184.620
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.644.184.620	3.644.184.620
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	1.016.225.740.061	731.989.887.042
1. Đầu tư vào công ty con	251		674.473.310.800	695.653.454.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.800.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		340.939.570.000	40.249.990.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.987.140.739)	(3.913.556.958)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.059.424.947	332.885.476
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	1.059.424.947	332.885.476
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.272.434.218.106	835.301.171.767

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		35.833.404.127	85.653.088.333
I. Nợ ngắn hạn	310		32.452.904.127	81.866.088.333
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	7.354.595.741	2.977.357.269
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	1.249.274.250	1.249.274.250
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	1.531.247.632	279.122.786
4. Phải trả người lao động	314		739.823.161	1.262.071.265
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		54.005.752	35.500.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	590.038.106	1.825.824.405
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	20.933.919.485	74.236.938.358
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.380.500.000	3.787.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	3.380.500.000	3.787.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.236.600.813.979	749.648.083.434
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	1.236.600.813.979	749.648.083.434
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.208.065.620.000	728.065.620.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.208.065.620.000	728.065.620.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.467.545.239	3.609.595.239
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.067.648.740	17.972.868.195
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		17.972.868.195	17.972.868.195
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.094.780.545	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.272.434.218.106	835.301.171.767

Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Yên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa Vy

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2024

Tổng Giám đốc



Hoàng Mạnh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

PHỤ LỤC 1

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2024		Quý II năm 2023		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay		Năm trước		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	62.570.454.546		3.759.947.050		71.564.740.092	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-		-		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		62.570.454.546		3.759.947.050		71.564.740.092	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	58.555.258.869		1.416.431.176		65.982.667.816	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.015.195.677		2.343.515.874		5.582.072.276	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.322.821.447		6.362.832.233		12.233.696.980	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	971.083.940		1.691.935.139		1.937.114.885	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		897.500.159		1.691.935.139		1.863.531.104	
8. Chi phí bán hàng	25		-		-		-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.662.979.254		6.236.684.856		7.403.205.247	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.703.953.930		777.728.112		8.475.449.124	
11. Thu nhập khác	31		-		-		2.000.075	
12. Chi phí khác	32	VI.6	176.620.906		181.650.881		487.914.281	
13. Lợi nhuận khác	40		(176.620.906)		(181.650.881)		(485.914.206)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.527.333.024		596.077.231		7.989.534.918	
							200.000	
							948.580.995	
							(948.380.995)	
							1.213.146.966	

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

PHỤ LỤC 1

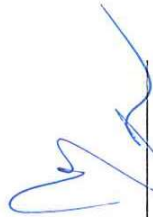
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2024	Quý II năm 2023	Năm nay	Năm trước
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	894.754.373	239.693.771	894.754.373	451.678.926
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.632.578.651	356.383.460	7.094.780.545	761.468.040

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Yến

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa Vy



Hoàng Mạnh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.527.333.024	596.230.646
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	244.178.904	187.406.403
- Các khoản dự phòng	03		73.583.781	35.901.267
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(7.322.821.447)	(6.362.985.648)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		897.500.159	1.656.033.872
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(580.225.579)	(3.887.413.460)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.293.772.106)	13.961.180.132
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	(1.650.000)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.822.909.297	(33.830.849.037)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		181.435.439	(279.388.410)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(843.494.407)	(1.656.033.872)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.10	-	(5.429.089.802)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		7.700.505.398	6.452.353.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(425.883.333)	(304.894.720)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.438.525.291)	(24.975.786.169)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(82.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		67.788.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.800.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		74.138.000.000	35.557.647.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		133.837.691	632.648
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		55.259.837.691	35.558.279.648

C.P. K.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		35.500.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(10.500.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.12	2.126.406.435	9.471.314.086
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.12	(46.332.893.923)	(10.658.663.260)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(44.170.987.488)</i>	<i>(1.197.849.174)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		9.650.324.912	9.384.644.305
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	2.234.096.129	4.752.470.813
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
			11.884.421.041	14.137.115.118
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1		

Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Yến

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa Vy



Lập, ngày 07 tháng 07 năm 2024

Trưởng Giám đốc

Hoàng Mạnh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là đầu tư, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là: Kinh doanh thương mại, thi công xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành	Số nhà 92 Lê Lợi, phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	67%	67%
Công ty CP Năng lượng Trường Thành	Tầng 4 Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 3 Lương Yên, Phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.	Năng lượng tái tạo	92.11%	92.11%
Công ty TNHH Onsen Hội Vân	Thôn Hội Vân, Xã Cát Hiệp, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản	60%	60%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 44 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 44 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác,

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ và chi phí cải tạo văn phòng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí cải tạo văn phòng

Chi phí cải tạo văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của loại tài sản cố định hữu hình là Phương tiện vận tải truyền dẫn là từ 10 năm.

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

ĐÓNG
Y
I
S V
SẢN
VII
P.V

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

11. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

1.C.P. K.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	20.082.615	40.516.904
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.864.338.426	22.001.275.638
Cộng	11.884.421.041	22.041.792.542

2. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	674.473.310.800	(578.386.398)	695.653.454.000	(646.150.621)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành ⁽ⁱ⁾	88.192.000.000	0	121.100.000.000	0
Công ty TNHH Onsen Hội Vân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	90.000.000.000	(578.386.398)	90.000.000.000	(646.150.621)
Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành ⁽ⁱⁱ⁾	496.281.310.800	0	484.553.454.000	0
Đầu tư vào công ty liên kết	4.800.000.000	0	0	0
Công ty Cổ phần TTP Trà Vinh ^(vi)	4.800.000.000	0	0	0
Đầu tư vào công ty khác	340.939.570.000	(3.408.754.341)	40.249.990.000	(3.267.406.337)
Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding ^(iv)	40.249.990.000	(3.267.406.337)	40.249.990.000	(3.267.406.337)
Công ty Cổ phần điện gió Trường Thành Trà Vinh ^(v)	300.689.580.000	(141.348.004)	0	0
Cộng	1.020.212.880.800	(3.987.140.739)	735.903.444.000	(3.913.556.958)

(i) Theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-ĐHDCĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông, trong kỳ Công ty đã góp 2.670.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành (sau đây gọi tắt là "108 TT") với giá 26.700.000.000 VND. Ngày 15/10/2021, Công ty đã nhận chuyển nhượng 240.000 CP từ ông Nguyễn Văn Quân. Ngày 30/06/2024, Công ty thực hiện chuyển nhượng 2.000.000 CP cho ông Lê Hoàng Bảo. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty sở hữu 5.360.000 cổ phần 108 TT, chiếm 67% vốn điều lệ.

(ii) Tại ngày 28 tháng 06 năm 2020, công ty mua 5.506.667 cổ phần của Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành với giá 82.600.005.000 VND. Ngày 12/10/2021, thực hiện mua 28.717.359 CP, ngày 09/12/2021, Nhận chuyển nhượng 1.837.500 CP từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành và 4.500.000 CP từ Công ty CP du lịch Trường Thành Island. Ngày 30/01/2024, nhận chuyển nhượng 3.988.474 CP từ Công ty CP Tập đoàn Trường Thành Việt Nam. Tuy nhiên, do 3.100.000 CP chưa thực hiện được việc đổi chủ sở hữu nên thực tế công ty chỉ được ghi nhận 888.474 CP tăng thêm. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, công ty sở hữu 41.450.000 cổ phần, chiếm 92,11% tổng vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bán thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iii) Theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HDQT ngày 19 tháng 07 năm 2021 của Hội đồng quản trị, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty TNHH Onsen Hội Vân với số vốn góp là 90.000.000.000 đồng, chiếm 60% tổng vốn điều lệ tại Công ty TNHH Onsen Hội Vân. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, công ty sở hữu 9.000.000 CP của Công ty TNHH Onsen Hội Vân chiếm 60% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HDQT ngày 29 tháng 07 năm 2021 của Hội đồng quản trị, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding với số vốn góp là 40.249.990.000 đồng, chiếm 19,999995% tổng vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, công ty sở hữu 4.024.999 CP của Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding chiếm 19,999995% vốn điều lệ.
- (v) Theo Nghị quyết số 18/2023/NQ-HDQT ngày 07 tháng 08 năm 2023 của Hội đồng quản trị, Công ty đã nhận chuyển nhượng 15.034.479 CP của Công ty Cổ phần điện gió Trường Thành Trà Vinh với giá là 300.689.580.000 đồng, chiếm 19,99% tổng vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần điện gió Trường Thành Trà Vinh. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, công ty sở hữu 15.034.479 CP của Công ty Cổ phần điện gió Trường Thành Trà Vinh chiếm 19,99% vốn điều lệ.
- (vi) Theo Nghị quyết số 16/2024/BB-HDQT ngày 01 tháng 07 năm 2024 của Hội đồng quản trị, Công ty đã nhận chuyển nhượng 1.920.000 CP của Công ty Cổ phần TTP Trà Vinh với giá là 4.800.000.000 đồng, chiếm 48% tổng vốn điều lệ tại công ty Cổ phần TTP Trà Vinh. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, công ty sở hữu 1.920.000 CP của công ty Cổ phần TTP Trà Vinh chiếm 48% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.913.556.958	4.021.786.907
Trích lập dự phòng bổ sung	141.348.004	35.901.267
Hoàn nhập dự phòng	(67.764.223)	(144.131.216)
Số cuối năm	3.987.140.739	3.913.556.958

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP công nghiệp Trường Thành Việt Nam	4.266.736.742	1.670.599.262
Công ty TNHH Onsen Hội Vân	97.200.000	0
Công ty CP TTP Phú Yên- Chi nhánh Phú Yên	5.629.090.910	2.559.010.910
Ông Lê Hoàng Bảo	35.500.000.000	14.460.000.000
Cộng	45.493.027.652	18.689.610.172

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Khôi	1.152.553.098	1.152.553.098

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP tư vấn Dạt Phương	60.000.000	60.000.000
Công ty CP Tư vấn và Đầu Tư TTVN	1.152.310.361	1.277.048.400
Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt	0	75.000.000
Công ty CP tập đoàn Trường Thành Việt Nam	41.230.000.000	0
Công ty TNHH Đầu tư XD Dacinceo	1.164.817.065	1.164.817.065
Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường Miền Trung	85.205.000	85.205.000
Các nhà cung cấp khác	2.774.354	83.612.000
Cộng	44.847.659.878	3.898.235.563

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	10.150.000		10.150.000	
Tạm ứng	16.646.500.000		2.850.000.362	
Phải thu từ Đầu tư và tài chính	984.076.034		21.831.689.145	
Thu lại tiền tạm ứng	11.800.000.000		0	
Cộng	29.440.726.034		24.691.839.507	

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	1.400.000		1.350.000	
Cộng	1.400.000		1.350.000	

6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	0	81.194.169
Chi phí mua bảo hiểm	22.454.503	0
Chi phí khác	76.353.030	172.368.268
Cộng	98.807.533	253.562.437

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	146.597.305	68.549.174
Chi phí trả trước dài hạn khác	912.827.642	264.336.302
Cộng	1.059.424.947	332.885.476

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình là Phương tiện vận tải, truyền dẫn. Chi tiết số phát sinh như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	10.630.275.732	(2.963.651.324)	7.666.624.408
Tăng trong kỳ	0	0	0
Giảm trong kỳ	(126.363.636)	0	(126.363.636)
Khấu hao trong kỳ	0	(468.350.232)	(468.350.232)
Số cuối kỳ	10.503.912.096	(3.432.001.556)	7.071.910.540

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2	2.913.700.468	1.232.889.996
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Truyền Thông H.T	541.565.455	264.485.455
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Huy Hùng	1.950.381.818	1.457.181.818
Bùi Thanh Thanh Hiền	1.870.000.000	0
Công ty CP Xây dựng, Đầu tư Bất động sản Việt Minh Hoàng	78.948.000	0
Nhà cung cấp khác	0	22.800.000
Cộng	7.354.595.741	2.977.357.269

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP BCG Trường Thành	1.249.274.250	1.249.274.250
Cộng	1.249.274.250	1.249.274.250

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	184.445.656	320.163.962	-	504.609.618
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1)	894.754.373	-	894.754.372
Thuế thu nhập cá nhân	94.677.131	345.470.928	(335.514.796)	104.633.263
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Các khoản phải nộp khác	-	27.250.379	-	27.250.379
Cộng	279.122.786	1.591.639.642	(339.514.796)	1.531.247.632

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10% và 8%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.989.534.918	4.213.146.966
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	540.389.547	1.045.247.662

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đã hạch toán trên 811	487.914.281	0
Chi phí khấu trừ TSCĐ loại thêm	52.475.266	0
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	8.529.924.465	2.258.394.628
Thu nhập được miễn thuế	4.056.152.600	
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	4.473.771.865	2.258.394.628
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	894.754.373	451.678.926
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	894.754.373	451.678.926

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

11. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	0	0
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	590.038.106	1.825.824.405
Kinh phí công đoàn	21.875.695	61.137.595
Lãi vay phải trả	480.375.211	1.754.456.228
Bảo hiểm XH, Y tế, TN	87.787.200	10.230.582
Phải trả thẻ visa	0	0
Cộng	590.038.106	1.825.824.405

12. Vay ngắn hạn/dài hạn**12a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn cá nhân không phải là bên liên quan(i)	1.100.000.000	70.100.000.000
Ông Hoàng Văn Dũng	600.000.000	600.000.000
Ông Dương Hữu Huân	500.000.000	500.000.000
Ông Nguyễn Văn Quân	0	69.000.000.000
Vay ngắn hạn tổ chức	19.833.919.485	4.136.938.358
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (CN Tây Hồ) (ii)	12.870.000.000	870.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu (iv)	6.963.919.485	3.266.938.358
Cộng	20.933.919.485	74.236.938.358

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (CN Tây Hồ) (iii)	3.380.500.000	3.787.000.000
Cộng	3.380.500.000	3.787.000.000
Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn và dài hạn.		
(i) Các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với thời hạn 180 ngày, lãi suất 5%/năm – 12%/năm.		
(ii) Khoản vay BIDV ngắn hạn, thời hạn 6-7 tháng, lãi suất 6%-10%/năm.		
(iii) Khoản vay BIDV dài hạn mua TSCĐ, thời hạn 7 năm, lãi suất 9.9%/năm.		
(iv) Khoản vay ACB ngắn hạn, thời hạn 5-7 tháng, lãi suất 7%-9%/năm.		

	<u>Vay cá nhân</u>
Số đầu năm	70.100.000.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	0
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(69.000.000.000)
Số cuối kỳ	1.100.000.000

13. Vốn chủ sở hữu**13a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm nay	728.065.620.000	3.609.595.239	17.972.868.195	749.648.083.434
Tăng vốn trong kỳ	480.000.000.000	0	0	480.000.000.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	0	(142.050.000)	0	(142.050.000)
Chi trả cổ tức	0	0	0	0
Lợi nhuận trong năm nay	0	0	7.094.780.545	7.094.780.545
Số dư cuối năm nay	1.208.065.620.000	3.467.545.239	25.067.648.740	1.236.600.813.979

13b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120.806.562	72.806.562
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	120.806.562	72.806.562
- Cổ phiếu phổ thông	120.806.562	72.806.562
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	120.806.562	72.806.562

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Cổ phiếu phổ thông	120.806.562	72.806.562

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	55.980.000.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.180.909.092	3.380.799.748
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.403.831.000	1.983.003.731
Doanh thu kinh doanh bất động sản		7.531.700.000
Cộng	71.564.740.092	12.895.503.479

2. Giá vốn hàng bán

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	53.315.000.000	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.415.976.212	1.588.253.458
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	2.251.691.604	1.416.431.176
Giá vốn kinh doanh bất động sản		4.792.900.000
Cộng	65.982.667.816	7.797.584.634

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.085.544.380	3.560.678
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	6.092.000.000	9.562.353.000
Cổ tức và lợi nhuận được chia	4.056.152.600	0
Cộng	12.233.696.980	9.565.913.678

4. Chi phí tài chính

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.863.531.104	2.909.468.438
Hoàn nhập dự phòng	(67.764.223)	0
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	141.348.004	35.901.267
Chi phí khác	0	0
Cộng	1.937.114.885	2.945.369.705

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 03 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.261.676.967	6.884.705.695
Chi phí vật liệu quản lý	18.066.668	11.509.093
Chi phí đồ dùng văn phòng	190.851.490	207.890.990
Chi phí khấu hao tài sản cố định	303.438.111	205.862.806
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Các chi phí khác	1.625.172.011	2.242.966.273
Cộng	7.403.205.247	9.556.934.857

6. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt thuế và các khoản phạt khác	75.308.642	333.498.721
Phạt vi phạm hợp đồng	0	90.000.000
Chi phí khác	412.605.639	525.082.274
Cộng	487.914.281	948.580.995

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Yến

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa Vy

Tổng Giám đốc



Hoàng Mạnh Huy

